

Bản án số: 119/2024/DSST
Ngày: 05.9.2024
V/v“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hiệp

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1683/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1778/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2.

Trụ sở chính: Tòa LPB, số B đường T, phường T, Quận H, TP.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung H, Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần L2 chi nhánh B1

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn T1, Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Trụ sở giao dịch tại địa chỉ: Số A đường T, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Theo các văn bản ủy quyền số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD&XLN ngày 11/7/2023 và văn bản ủy quyền số 05/2024/UQ-LPBank.BĐ ngày 22/4/2024.

* *Bị đơn*: Vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 (sinh năm 1983) (có mặt), ông Diệp Bảo L (sinh năm 1981) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, khu vực Tây Phương D, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần L2 trình bày:*

Theo quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 ngày 15/7/2024 của Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP B, theo đó Ngân hàng TMCP B được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2.

Ngày 21/7/2020 vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Diệp Bảo L thông qua tổ vay tín chấp của phụ nữ phường Đ đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD 49020201625 vay tại Ngân hàng TMCP B (nay được đổi tên thành Ngân hàng TMCP L2), chi nhánh B1 số tiền vay gốc là 94.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất trong hạn là 8.5%/năm điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, phân kỳ trả nợ gốc lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 ông Diệp Bảo L đã trả tiền vay gốc đến ngày 26/4/2024 là 74.958.264đ, tiền lãi trả đến ngày 26/9/2023 là 7.114.796đ. Sau đó bà H1 không tiếp tục trả tiền vay gốc, lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ thì vợ chồng bà H1 cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện.

Ngân hàng xác định vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Diệp Bảo L còn nợ Ngân hàng đến ngày 05.9.2024 tiền vay gốc là 19.041.736đ, tiền lãi nợ quá hạn 15.322.876đ, lãi chậm trả gốc 2.894.140đ và lãi chậm trả lãi 520.419đ, tổng cộng số tiền là 37.779.171đ. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đồng ý giảm $\frac{1}{2}$ tiền lãi cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 ông Diệp Bảo L, yêu cầu vợ chồng bà H1 ông L hoàn trả cho Ngân hàng tiền vay gốc còn nợ là 19.041.736đ, tiền lãi là 9.368.717đ, tổng cộng số tiền 28.410.453đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng) và tiếp tục trả tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

* *Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H1 trình bày:* Ngày 21/7/2020 bà cùng với bà H2 tổ trưởng tổ vay đến Ngân hàng TMCP B, chi nhánh B1 làm hợp đồng vay tiền, bà trực tiếp ký hợp đồng vay, lúc đó bà không nhìn rõ số tiền vay ghi trong hợp đồng vay là bao nhiêu, bà trực tiếp nhận tiền vay tại Ngân hàng nhưng không coi kỹ số tiền là bao nhiêu, số tiền vay trả trong thời hạn 4 năm, gốc lãi trả dần hàng tháng. Sau khi nhận tiền thì bà đưa toàn bộ số tiền cho bà H2 giữ, khi về nhà bà H2 chỉ đưa cho bà số tiền 52.000.000đ. Hàng tháng bà trả tiền gốc lãi thông qua bà H2, có khi bà chuyển

khoản qua ngân hàng, có lúc Ngân hàng trực tiếp lên nhận nhưng không có lần nào viết giấy biên nhận. Bà xác định trong vòng 20 tháng bà đã trả xong số tiền vay gốc là 52.000.000đ, còn tiền lãi trả từ lúc vay đến tháng 4 năm 2024 âm lịch trả 3.000.000đ, tổng cộng tiền lãi đã trả khoảng 21.000.000đ. Việc bà trả tiền vay gốc 52.000.000đ và tiền lãi 21.000.000đ bà không có chứng cứ chứng minh. Khi Ngân hàng lên đòi nợ số tiền vay gốc 94.000.000đ thì bà H2 đã thừa nhận phần bà H2 nhận 42.000.000đ, phần bà nhận 52.000.000đ; bà H2 thừa nhận đã nhận số tiền 42.000.000đ có mặt bà, bà H2 và đại diện Ngân hàng, việc này chỉ nói miệng chứ không có viết giấy tờ. Nay Ngân hàng kiện vợ chồng bà yêu cầu trả số tiền vay gốc còn nợ là 19.041.736đ và tiền lãi 12.652.246đ, tổng cộng 33.779.317đ thì bà không đồng ý vì bà đã trả hết tiền vay gốc cho Ngân hàng, tiền lãi còn nợ khoảng 10.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà xác định có lỗi do quá tin tưởng bà H2 nên đồng ý trả tiền vay gốc còn nợ cho Ngân hàng và xin Ngân hàng giảm tiền lãi để vợ chồng bà có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng.

* Theo biên bản ghi lời khai bị đơn ông D Bảo L trình bày: Thời gian nào không nhớ, vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng TMCP B với mục đích để xây nhà, ông trực tiếp ký vào hợp đồng tín dụng nhưng vay số tiền bao nhiêu thì ông không đọc kỹ hợp đồng nên không để ý. Quá trình vay và trả tiền nợ gốc thì vợ là Huỳnh Thị Mỹ H1 trực tiếp trả, ông thống nhất theo lời trình bày của vợ về số tiền vay và số tiền đã trả. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền vay gốc 19.041.736đ và tiền lãi 12.652.246đ, tổng cộng 33.779.317đ thì ông thống nhất với ý kiến của vợ là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì vợ chồng ông đã trả hết số tiền vay gốc cho Ngân hàng, tiền lãi còn nợ khoảng 10.000.000đ, số tiền này vợ chồng ông sẽ trả trong vòng 2-3 tháng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật tổ chức các tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B (nay là ngân hàng TMCP L2).

Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị Mỹ H1, anh Diệp Bảo L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L2 số tiền vay gốc 19.041.736đ và số tiền lãi 9.368.717đ.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị Mỹ H1, anh Diệp Bảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Diệp Bảo L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng thương mại cổ phần L2 cung cấp thể hiện: Ngày 21/7/2020 vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Diệp Bảo L thực hiện việc vay tiền tại Ngân hàng TMCP B (được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2) chi nhánh B1 theo hình thức vay tín chấp, vay số tiền 94.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất trong hạn là 8.5%/năm, phân 48 kỳ trả nợ gốc lãi, trong đó tiền lãi được tính theo dư nợ gốc ban đầu và được trả hàng tháng cùng với kỳ nợ gốc. Việc vay tiền được các bên tham gia ký kết hoàn toàn tự nguyện và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về giao dịch dân sự. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện thì vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Diệp Bảo L chỉ trả tiền vay gốc đến ngày 26/4/2024 là 74.958.264đ, tiền lãi trả đến ngày 26/9/2023 là 7.114.796đ. Sau đó vợ chồng bà H1, ông L không tiếp tục trả tiền vay gốc, lãi cho Ngân hàng; mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo về việc trả nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng bà H1 ông L vẫn không thực hiện, để đảm bảo quyền lợi nên Ngân hàng thương mại cổ phần L2 thực hiện việc khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, ông Diệp Bảo L xác định vợ chồng ông bà trực tiếp ký vào hợp đồng vay tiền nhưng không đọc kỹ về số tiền vay ghi trong hợp đồng vay là bao nhiêu, cũng không coi kỹ số tiền vay đã nhận là bao nhiêu và sau khi nhận tiền vay tại Ngân hàng thì bà H1 đã đưa toàn bộ số tiền vay cho bà H2 giữ, về nhà bà H2 giao cho bà Hằng số tiền 52.000.000đ, phần bà H2 nhận số tiền 42.000.000đ là không có cơ sở. Lời khai của vợ chồng bà H1 ông L không được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần L2 và bà Nguyễn Thị H3 thừa nhận, bản thân vợ chồng bà H1 ông L cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh bà H3 nhận số tiền vay gốc 42.000.000đ, vợ chồng bà H1 ông L nhận số tiền vay gốc 52.000.000đ. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai của vợ chồng bà H1 ông L chỉ vay số tiền 52.000.000đ đã trả xong số tiền vay gốc 52.000.000đ, chỉ còn nợ tiền lãi khoảng 10.000.000đ.

[2.3] Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Mỹ H1 chấp nhận trả số tiền vay gốc còn nợ Ngân hàng là 19.041.736đ và yêu cầu Ngân hàng giảm tiền lãi để vợ chồng bà có điều kiện trả nợ. Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần L2 đồng ý giảm ½ tiền lãi nên tiền lãi còn lại là 9.368.717đ, yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1

ông Diệp Bảo L hoàn trả tiền vay gốc còn nợ đến ngày 05.9.2024 là 19.041.376đ, tiền lãi 9.368.717đ, tổng cộng số tiền là 28.410.093đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn, không trăm chín mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 05.9.2024 cho đến khi thực trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L2 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Xét việc thỏa thuận giảm tiền lãi giữa hai bên là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên công nhận buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 ông Diệp Bảo L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L2 số tiền 19.041.376đ, tiền lãi tính đến ngày 05.9.2024 là 9.368.717đ, tổng cộng số tiền là 28.410.093đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn, không trăm chín mươi ba đồng).

[2.4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm thì “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. Nên buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1, Diệp Bảo L phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 21/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ Hằng Diệp Bảo L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.420.000đ (một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), Ngân hàng thương mại cổ phần B (nay được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2) không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự, Án Lệ số 08/2016AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức các tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B (nay được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2).

2. Buộc buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 ông Diệp Bảo L1 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L2 số tiền vay gốc 19.041.376đ, tiền lãi tính đến ngày 05.9.2024 là 9.368.717đ, tổng cộng số tiền là 28.410.093đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn, không trăm chín mươi ba đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05.9.2024) vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H1 ông Diệp Bảo L1 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD49020201625 ngày 21/7/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ Hằng Diệp Bảo L1 phải chịu án phí là 1.420.000đ (một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B (nay được đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L2), chi nhánh B1 tiền tạm ứng án phí là 844.358đ (tám trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005435 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện của nguyên đơn và bà Huỳnh Thị Mỹ H1 tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Diệp Bảo L1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn